

Số: 2026/SGDDĐT-KTQLCL
V/v tổ chức kỳ thi HSG các môn
văn hoá cấp THPT vòng II,
năm học 2019-2020

Long An, ngày 14 tháng 8 năm 2019

Kính gửi: Hiệu trưởng các trường có cấp THPT.

Căn cứ Quyết định số 1124/QĐ-SGDĐT ngày 12/12/2017 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) Long An về việc ban hành Quy định thi đối với các kỳ thi chọn học sinh giỏi các bộ môn văn hoá cấp tỉnh (gọi tắt là Quy định thi), Sở GD&ĐT hướng dẫn việc tổ chức kỳ thi học sinh giỏi (HSG) các môn văn hoá cấp THPT vòng II, năm học 2019-2020, cụ thể như sau:

1. Đối tượng và điều kiện dự thi: là những học sinh THPT đã qua dự thi vòng I, có đủ điểm vào dự thi vòng II; có kết quả xếp loại hạnh kiểm và học lực cuối năm học 2018-2019 từ khá trở lên. *Riêng, đối với học sinh trường phổ thông Năng khiếu Đại học Tân Tạo, nhà trường tự tổ chức thi theo quy định của Bộ GD&ĐT.*

2. Môn thi, hình thức thi và nội dung thi

- Kỳ thi HSG cấp THPT vòng II gồm 9 môn thi: Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ (Tiếng Anh), Vật lí, Hoá học, Sinh học, Lịch sử, Địa lí và Tin học.

- Môn Tin học thi theo hình thức lập trình trên máy vi tính; các môn khác thi theo hình thức viết. Riêng các môn Vật lí, Hoá học, Sinh học có thêm hình thức thi thực hành hoặc câu hỏi lý thuyết thực hành, môn ngoại ngữ (Tiếng Anh) có thêm hình thức thi nói.

- Nội dung thi: nằm trong phạm vi Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ GD&ĐT ban hành và nội dung dạy học là chương trình nâng cao THPT và chương trình chuyên sâu của từng môn do Bộ GD&ĐT hướng dẫn.

3. Địa điểm tổ chức kỳ thi

Dự kiến tổ chức tại Trường THPT Tân An và Trường THPT Lê Quý Đôn.

4. Đăng ký dự thi, điều kiện đạt danh hiệu HSG cấp tỉnh

4.1. Chương trình nhập dữ liệu và cấu trúc đề thi

- Nhập dữ liệu: Căn cứ kết quả thi vòng I, Sở GD&ĐT sẽ nhập dữ liệu thí sinh đủ điều kiện dự thi vòng 2 và chuyển về các đơn vị có thí sinh dự thi để kiểm tra, rà soát.

Lưu ý: *Đối với những học sinh đã đủ điều kiện dự thi vòng 2 của trường đã chuyển về học tại trường mới trong tỉnh thì Hiệu trưởng 02 trường phối hợp rà soát danh sách, báo cáo về phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng giáo dục (KT&QLCLGD) điều chỉnh tên trường mới cho thí sinh (nếu có).*

- Cấu trúc đề thi theo Phụ lục 1 đính kèm.

4.2. Hồ sơ đăng ký dự thi

- Các đơn vị gửi hồ sơ về Phòng KT&QLCLGD chậm nhất ngày **10/9/2019** gồm văn bản và tập tin (file) sau:

+ Quyết định của Hiệu trưởng đơn vị dự thi về việc thành lập các đội tuyển tham dự kỳ thi chọn HSG cấp tỉnh (*kèm theo danh sách học sinh của mỗi đội tuyển*).

+ Phiếu báo xếp loại hạnh kiểm và học lực từ khá trở lên cuối năm học 2018-2019 (*theo mẫu tại phụ lục 4*) của từng thí sinh, có xác nhận của Hiệu trưởng nhà trường.

+ Đề nghị danh sách giáo viên tham gia coi thi 09 giáo viên, chấm thi 09 giáo viên (mỗi môn thi cử 01 giáo viên, đối với giáo viên chấm thi cử giáo viên có thâm niên ít nhất 03 năm), riêng các trường THPT Tân An, Lê Quý Đôn, Hùng Vương ghi danh sách tất cả giáo viên đủ tiêu chuẩn theo Điều 11 Quy định thi (*theo mẫu tại phụ lục 3*).

- Thẻ dự thi: Hiệu trưởng trường có thí sinh dự thi cấp cho thí sinh để mang theo và xuất trình khi vào phòng thi.

Lưu ý: Đối với những học sinh đã tham dự thi vòng 1, đủ điểm để dự thi vòng 2, nhưng không đủ điều kiện về học lực hoặc hạnh kiểm thì Hiệu trưởng nhà trường không đưa học sinh này vào danh sách đội tuyển; đồng thời thông báo cho học sinh biết và báo cáo về Phòng KT&QLCLGD; Đối với giáo viên tham gia chấm thi đề nghị Hiệu trưởng các đơn vị cử giáo viên là lực lượng cốt cán và có kinh nghiệm để tham gia. Đặc biệt, các thông tin chi tiết về hồ sơ của thí sinh phải tuyệt đối chính xác.

4.3. Điều kiện đạt danh hiệu Học sinh giỏi cấp tỉnh và chọn đội tuyển

Thực hiện theo Quy định thi.

5. Công tác tổ chức coi thi, chấm thi kỳ thi cấp tỉnh

Tiêu chuẩn, điều kiện đối với những người tham gia tổ chức kỳ thi: theo Điều 11 của Quy định thi.

- Lịch công tác của hội đồng coi thi

+ **08 giờ, ngày 24/9/2019:** họp Ban lãnh đạo hội đồng coi thi (gồm Chủ tịch, các Phó chủ tịch, các Thư ký, Ủy viên, Kỹ thuật viên, Bảo vệ, Y tế và Phục vụ), kiểm tra cơ sở vật chất, hồ sơ dự thi, triển khai kế hoạch tổ chức thi.

+ **14 giờ 30 phút, ngày 24/9/2019:** Họp toàn thể thành viên hội đồng coi thi, triển khai Quy định thi, tiến hành kiểm tra tính chính xác của hồ sơ dự thi.

+ **08 giờ, ngày 25/9/2019:** Sở GD&ĐT chuyển giao đề thi đến hội đồng coi thi.

+ **12 giờ 15 phút, ngày 25/9/2019:** tập trung thí sinh phổ biến quy chế thi; tiến hành công tác coi thi buổi thi thứ nhất gồm 09 môn: Toán, Vật lí, Hoá học, Sinh học, Tin học, Tiếng Anh, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí .

+ **07 giờ ngày 26/9/2019:** Tổ chức coi thi buổi thi thứ hai đối với 06 môn Toán, Vật lý, Hoá học, Sinh học, Tin học và thi nói đối với môn Tiếng Anh. Quy trình tổ chức buổi thi nói môn Tiếng Anh thực hiện theo phụ lục 2 đính kèm.

+ Thời gian thi của mỗi môn: Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ (Tiếng Anh), Vật lý, Hoá học, Sinh học, Lịch sử, Địa lý và Tin học là 180 phút.

+ Lịch thi:

Ngày	Giờ tập trung thí sinh phổ biến quy chế	Giờ mở bì đề thi	Giờ phát đề	Tính giờ làm bài
25/9/2019	12 giờ 15	12 giờ 45	12 giờ 55	13 giờ
26/9/2019	07 giờ 00	07 giờ 15	07 giờ 25	07 giờ 30

+ **Chậm nhất 14 giờ, ngày 26/9/2019:** đại diện lãnh đạo các Hội đồng coi thi chuyển giao bài thi, hồ sơ coi thi về Sở (phòng KT&QLCLGD).

- *Công tác chấm thi:* Hội đồng chấm thi dự kiến đặt tại Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Long An (số 238, đường Huỳnh Văn Đáng, phường 3, Tp. Tân An).

+ **08 giờ 00 phút, ngày 27/9/2019:** họp Ban lãnh đạo hội đồng chấm thi (gồm Chủ tịch, các Phó chủ tịch chuyên môn, các Thư ký và Tổ trưởng các Tổ bộ môn) tại Hội trường - Sở GD&ĐT.

+ **08 giờ 00 phút, ngày 30/9/2019:** họp toàn thể thành viên tại hội đồng chấm thi và tiến hành công tác chấm thi tại Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Long An.

Sở Giáo dục và Đào tạo yêu cầu thủ trưởng các đơn vị triển khai và tổ chức thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc đề nghị liên hệ Phòng KT&QLCLGD để giải quyết kịp thời./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, các PGD;
- Các Phòng Sở, Thanh tra Sở;
- Lưu: VT, KTQLCL(5).

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phan Thị Dạ Thảo

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Phụ lục 1

CẤU TRÚC ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI THPT CẤP TỈNH VÒNG 2

(Kèm Công văn số: 2026/SGDDĐT-KTQLCL ngày 14/9/2019 của Sở GD&ĐT)

1. MÔN TOÁN

1.1. Buổi thi thứ nhất

Đề thi buổi thi thứ nhất gồm 4 bài toán với thang điểm 20. Cụ thể:

Bài 1. Đại số (5 điểm).

(Phương trình, hệ phương trình, bất phương trình; bất đẳng thức, giá trị lớn nhất và giá trị nhỏ nhất,.....)

Bài 2. Giải tích (5 điểm).

(Ứng dụng đạo hàm, khảo sát hàm số và các bài toán liên quan,.....)

Bài 3. Hình học (5 điểm).

(Các phương pháp vector, biến hình, tọa độ giải toán hình học phẳng; các định lý, các bài toán của hình học phẳng,.....)

Bài 4. Tổ hợp (5 điểm).

(Quy tắc đếm, hoán vị - chỉnh hợp - tổ hợp, nhị thức Newton và ứng dụng, các bài toán tính xác suất, bài toán chia kẹo Euler, quy tắc đếm nâng cao, nguyên lý Dirichlet, nguyên lý bất biến, phản chứng, quy nạp,.....)

1.2. Buổi thi thứ hai

Đề thi buổi thi thứ hai gồm 3 bài toán với thang điểm 20. Cụ thể:

Bài 5. Đại số - số học (6 điểm).

(Đa thức, Phương trình hàm, các bài toán về số học,.....)

Bài 6. Giải tích (7 điểm).

(Tính chất dãy số, giới hạn của dãy số.....)

Bài 7. Hình học hoặc tổ hợp (7 điểm).

Ghi chú:

1. Đề thi chỉ sử dụng kiến thức đến thời điểm thi học sinh giỏi (HSG) vòng 2.

2. Có thể kết hợp các phân môn với nhau.

2. MÔN VẬT LÝ

2.1. Nội dung

* Cơ học:

- Động học chất điểm
- Động lực học chất điểm
- Tĩnh học vật rắn
- Các định luật bảo toàn
- Động lực học vật rắn
- Dao động cơ

* Nhiệt học:

- Các định luật và phương trình của khí lí tưởng
- Khí thực
- Các nguyên lí nhiệt động lực học
- Động cơ nhiệt, máy lạnh
- Chất lỏng và hơi bão hòa

- Sự chuyển thể của các chất

*** Điện từ học:**

- Tĩnh điện
- Dòng điện không đổi
- Từ trường, lực từ
- Cảm ứng điện từ, tự cảm.

*** Quang học:**

- Định luật khúc xạ ánh sáng
- Lăng kính phẳng, lưỡng chất cầu
- Bản hai mặt song song, lăng kính
- Thấu kính mỏng, thấu kính dày
- Quang hệ đồng trục

2.2. Cấu trúc đề thi

2.2.1. Buổi thi thứ 1

Hình thức tự luận, thời gian 180 phút (gồm 5 câu với thang điểm 20)

- Câu 1: Cơ học (4 điểm): mức độ trên trung bình
- Câu 2: Cơ học (4 điểm): mức độ cao
- Câu 3: Nhiệt học (4 điểm): mức độ trên trung bình
- Câu 4: Điện từ học (4 điểm): mức độ trên trung bình
- Câu 5: Quang học (4 điểm): mức độ trên trung bình

2.2.2. Buổi thi thứ 2

Hình thức tự luận, thời gian 180 phút (gồm 5 câu với thang điểm 20)

- Câu 1: Cơ học (3 điểm): mức độ cao
- Câu 2: Nhiệt học (4 điểm): mức độ cao
- Câu 3: Điện từ học (3 điểm): mức độ cao
- Câu 4: Quang học (3 điểm): mức độ cao
- Câu 5: Phương án thực hành (7 điểm): mức độ trên trung bình

3. MÔN HÓA HỌC

3.1. Buổi thi thứ 1 (Đề thi gồm 5 câu, thang điểm 20)

- **Câu 1 (3,0 điểm):** Cấu tạo nguyên tử; Bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học; Các thuyết về liên kết hóa học; Cấu tạo mạng tinh thể; Các loại phản ứng hóa học.

Tập trung các nội dung sau:

+ Năng lượng ion hóa thứ 1, 2..;

+ Quy tắc gần đúng Slater....

+ Sự phóng xạ..

+ Thuyết lai hóa AO;

+ Thuyết VB;

+ Thuyết MO;

+ Thuyết trường tinh thể phức chất;..

+ Năng lượng các hạt chuyển động tự do trong hộp thế 1 chiều, 3 chiều cho hệ e (π)...

- **Câu 2 (4,0 điểm):** Nhiệt hóa học.

Tập trung các nội dung sau: Nguyên lý 1, nguyên lý 2 của nhiệt động lực học.

+ Xác định nội năng, nhiệt, công.

+ Xác định biến thiên entropy, enthalpy, thế đẳng nhiệt – đẳng áp, chiều hướng của quá trình.

+ Xác định hiệu ứng nhiệt phản ứng.

- + Xác định hiệu ứng nhiệt phản ứng dựa vào sinh nhiệt.
- + Xác định hiệu ứng nhiệt phản ứng dựa vào tiêu nhiệt.
- + Năng lượng liên kết hóa học.
- + Chiều hướng diễn ra phản ứng.
- + Năng lượng mạng lưới tinh thể ion.
- + Bom nhiệt lượng kế.

- **Câu 3 (4,0 điểm):** Động hóa học.

Tập trung các nội dung sau:

- + Tốc độ phản ứng, cân bằng hóa học;
- + Cơ chế phản ứng;
- + Các phương trình động học phức tạp;
- + Các phương pháp xác định bậc phản ứng;
- + Phương trình Arrhenius;
- + Phản ứng quang hóa, phản ứng xúc tác ...;

- **Câu 4 (5,0 điểm):**

Lý thuyết và bài toán tổng hợp về phi kim và hợp chất của chúng: Nhóm Halogen; Oxi – Lưu huỳnh; Nitơ – photpho; Cacbon – Silic thuộc chương trình phổ thông.

- **Câu 5 (4,0 điểm):** Sự điện li, Dung dịch điện li, pH của dung dịch, cân bằng điện li.

Tập trung các nội dung sau:

- + Cân bằng axit – bazơ;
- + Cân bằng trong dung dịch chứa hợp chất ít tan;
- + Cân bằng tạo phức chất....

3.2. Buổi thi thứ 2 (Đề thi gồm 5 câu, thang điểm 20)

- **Câu 1 (4,0 điểm):** Đại cương hữu cơ.

Tập trung các nội dung sau:

- + Cấu tạo hóa học và danh pháp hữu cơ;
- + Cấu trúc không gian và đồng phân lập thể: Đồng phân hình học (hệ danh pháp cis/trans; E/Z; syn/anti ...) và đồng phân quang học (đồng phân quang học gây ra bởi tâm cacbon thủ tính, đồng phân allen...);
- + Cấu trúc electron và tính chất vật lý như: nhiệt độ nóng chảy, nhiệt độ sôi, độ tan, khối lượng riêng;
- + Hiệu ứng cấu trúc và tính chất axit – bazơ trong hợp chất hữu cơ ;
- + Orbital phân tử (HOMO, LUMO), giản đồ orbital phân tử của một phân tử, giải thích khả năng phản ứng dựa trên quan điểm xen phủ HOMO và LUMO.
- + Giải thích khả năng phản ứng cộng electrophin, Nucleophin, thế Nu⁻, E⁺, S_R... trong hợp chất hữu cơ;

- **Câu 2 (3,0 điểm):** Hidrocacbon, dẫn xuất halogen, ancol, phenol, andehit, xeton, axit cacboxylic, este.

- **Câu 3 (4,0 điểm):** Cacbohidrat ; Amin - amino axit - protein.

- **Câu 4 (4,0 điểm):** Bài tập tổng hợp về hóa học hữu cơ.

Chú ý: Câu 2,3,4: Xác định cấu trúc phân tử hợp chất hữu cơ, tổng hợp chất hữu cơ, chuỗi phản ứng.

Tập trung các nội dung sau:

- + Các loại phản ứng: Cộng electrophin, Nucleophin, thế Nu⁻, E⁺, S_R...
- + Xác định công thức cấu tạo của các chất trong sơ đồ tổng hợp chất.
- + Xác định cấu trúc hóa học của một chất dựa trên các dữ kiện thực nghiệm.
- + Đề xuất cơ chế đối với phản ứng được cho sẵn sản phẩm.

+ Kết hợp với cơ chế phản ứng, đồng phân lập thể, danh pháp, liên kết hidro, giải thích các hiện tượng enol hóa (pK_e)...

- Câu 5 (5,0 điểm):

+ Phân biệt; tinh chế; tách chất các chất vô cơ hoặc hữu cơ thuộc chương trình phổ thông.

+ Bài toán tổng hợp hữu cơ nâng cao (ancol, andehit, axit, este và chất béo...) thuộc chương trình phổ thông.

*** Lưu ý:** Đề thi HSG vòng 2 là vòng chọn đội tuyển dự thi cấp quốc gia, kiến thức cần nắm sát nội dung đề thi QG nên những nội dung phần in nghiêng bắt buộc phải có trong đề vòng 2 chiếm 75%.

4. MÔN SINH HỌC

4.1. Đề thi ngày thứ nhất (thang điểm 20)

TT	Chuyên đề	Số điểm	Số câu hỏi	Loại câu hỏi
1	Tế bào học	9	3-4	Tự luận
2	Vì sinh học	7	2-3	Tự luận
3	Phương án thực hành	4	1-2	Tự luận

4.2. Đề thi ngày thứ hai (thang điểm 20)

TT	Các phân môn	Số điểm	Số câu hỏi	Loại câu hỏi
1	Sinh học thực vật	6	2-3	Tự luận
2	Sinh học người và động vật	7	2-3	Tự luận
3	Di truyền học	5	2-3	Tự luận
4	Phương án thực hành	2	1	Tự luận

Lưu ý: Nội dung phần di truyền tính đến thời điểm tổ chức thi theo phân phối chương trình.

5. MÔN: NGỮ VĂN

- Câu 1: (8 điểm)

Vận dụng kiến thức xã hội và kỹ năng làm văn để viết bài văn nghị luận xã hội

- + Nghị luận về một tư tưởng, đạo lý.
- + Nghị luận về một hiện tượng đời sống.
- + Nghị luận về một vấn đề xã hội đặt ra trong tác phẩm văn học.

- Câu 2: (12 điểm)

Vận dụng khả năng đọc - hiểu văn bản và kiến thức văn học để viết bài nghị luận văn học

- + Nghị luận về tác phẩm văn học.
- + Nghị luận về một ý kiến bàn về văn học (đối tượng văn học được bàn luận: lịch sử văn học, lí luận văn học, tác phẩm văn học,...).

* Giới hạn nội dung thi: chương trình Ngữ văn nâng cao THPT (lớp 10, lớp 11 và chương trình lớp 12 tới thời điểm thi) và chương trình dạy học chuyên sâu môn Ngữ văn do Bộ GD&ĐT hướng dẫn.

6. MÔN: LỊCH SỬ

Đề thi gồm 7 câu theo thang điểm 20 cho toàn bài

- Câu 1 (3,0 điểm): Kiến thức Lịch sử thế giới cận hiện đại (1640–1945).

- + Các cuộc cách mạng tư sản.

- + Chiến tranh thế giới thứ nhất.
- + Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917.
- + Chiến tranh thế giới thứ hai.
- + Các nước tư bản giữa hai cuộc chiến tranh thế giới.
- **Câu 2 (2,0 điểm): Kiến thức Lịch sử thế giới hiện đại (1945-2000).**
- **Câu 3 (3,0 điểm): Kiến thức lịch sử thế giới hiện đại (1945-2000). Yêu cầu thông qua sự kiện, hiện tượng, quá trình lịch sử học sinh thể hiện được thái độ, quan điểm của mình về sự kiện, hiện tượng, quá trình lịch sử đó.**
 - + Sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
 - + Liên Xô và các nước Đông Âu, Liên Bang Nga.
 - + Châu Á, Châu Phi và khu vực Mĩ La tinh.
 - + Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản.
 - + Quan hệ quốc tế.
 - + Cách mạng khoa học công nghệ và xu thế toàn cầu hóa.
- **Câu 4 (3,0 điểm): Kiến thức Lịch sử Việt Nam trung đại.**
Yêu cầu học sinh biết tổng hợp kiến thức, giải thích, phân tích, nhận xét, đánh giá một sự kiện, hiện tượng, quá trình lịch sử; biết lập bảng biểu, vẽ sơ đồ, so sánh.
 - + Quá trình hình thành và phát triển của nhà nước phong kiến phong kiến (từ thế kỷ X đến thế kỷ XV).
 - + Kinh tế và văn hóa Đại Việt từ thế kỷ XI đến thế kỷ XV.
 - + Cuộc đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc ở các thế kỷ X-XV.
 - + Phong trào Tây Sơn và sự nghiệp thống nhất đất nước, bảo vệ Tổ quốc ở cuối thế kỷ XVIII.
 - + Tình hình đất nước trong các thế kỷ XVI-XVIII.
 - + Tình hình đất nước vào nửa đầu thế kỷ XIX.
- **Câu 5 (3,0 điểm): Kiến thức Lịch sử Việt Nam cận đại.**
Yêu cầu học sinh biết giải thích, so sánh sự kiện, hiện tượng, quá trình lịch sử.
- **Câu 6 (3,0 điểm): Kiến thức Lịch sử Việt Nam cận đại.**
Yêu cầu học sinh biết tổng hợp kiến thức, phân tích, nhận xét, đánh giá một vấn đề lịch sử.
 - + Quá trình xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp.
 - + Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam từ 1858 đến 1884.
 - + Phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân Việt Nam trong những năm cuối thế kỷ XIX.
 - + Phong trào yêu nước và cách mạng ở Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến Chiến tranh thế giới thứ nhất.
 - + Buổi đầu hoạt động yêu nước của Nguyễn Tất Thành.
- **Câu 7 (3,0 điểm): Kiến thức Lịch sử Việt Nam hiện đại (1919-1925).**
Yêu cầu học sinh biết khái quát, giải thích, phân tích, so sánh, đánh giá sự kiện, hiện tượng, quá trình lịch sử.
 - + Chính sách khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp.
 - + Những chuyển biến mới về kinh tế, xã hội Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.
 - + Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1925.

7. MÔN ĐỊA LÍ

Giới hạn: chương trình chuẩn và nâng cao lớp 10, lớp 11 và chương trình lớp 12 tính đến thời điểm thi.

Kỹ năng: xử lý, nhận xét phân tích số liệu, Atlas Địa lý Việt Nam.

Thang điểm: 20

Câu 1: (2,0 điểm)

- Các vận động chính của Trái đất và hệ quả của chúng.
- Cấu trúc Trái đất – Thạch quyển.

Câu 2: (3,0 điểm)

- Khí quyển.
- Thủy quyển.
- Thổ nhưỡng.
- Sinh quyển.

Câu 3: (3,0 điểm)

- Địa lý dân cư.
- Địa lý nông nghiệp.
- Địa lý công nghiệp.
- Địa lý dịch vụ.

Câu 4: (2,0 điểm)

Địa lý Quốc gia và khu vực (Trung Quốc, Đông Nam Á)

Câu 5: (4,0 điểm)

Đặc điểm tự nhiên Việt Nam (phần Vị trí địa lý và Đất nước nhiều đồi núi).

Câu 6: (3,0 điểm)

Đặc điểm tự nhiên Việt Nam (phần Thiên nhiên chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển và thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa)

Câu 7: (3,0 điểm)

Đặc điểm tự nhiên Việt Nam (phần Thiên nhiên phân hóa đa dạng)

*** Ghi chú: Giảm tải một số nội dung dựa trên sách Địa lý nâng cao lớp 10, 12.**

- Phần Địa lý tự nhiên đại cương: giảm bài 1, 2, 3, 4, 28, 29.
- Phần Địa lý kinh tế - xã hội đại cương: giảm bài 32, 33, 38, 51, 55, 58.
- Phần tự nhiên Việt Nam: giảm bài 1, 4, 5, 6.
- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam do Nhà xuất bản Giáo dục phát hành

8. MÔN TIẾNG ANH

8.1. Buổi thi thứ nhất

Thí sinh làm bài thi nghe - hiểu và đọc - hiểu – viết, thời gian 180 phút.

8.2. Buổi thi thứ hai

Thí sinh tham gia phần thi nói, thời gian 10 phút/1 thí sinh. Cách tổ chức phần thi nói như sau:

- Thời gian thí sinh chuẩn bị nội dung sau khi bốc thăm đề tài: 7 phút/mỗi thí sinh
- Thời gian trình bày nội dung bài nói (thí sinh kích hoạt phần mềm ghi âm lại nội dung bài nói này để giám khảo chấm về sau): 3 phút/mỗi thí sinh.

Tổng điểm bài làm của mỗi thí sinh bằng điểm bài thi của buổi thi thứ nhất và điểm bài thi của buổi thi thứ hai của thí sinh đó.

+ **Nội dung, kiến thức ra đề thi:** tính đến thời điểm tổ chức thi theo phân phối chương trình Lớp 12.

+ **Cấu trúc phần đề thi nghe - hiểu và đọc - hiểu – viết ở buổi thi thứ nhất :**

I. LISTENING (50/200 points)

Part 1: Sentence or note completion (10 missing notes in a summary of a conversation)

Part 2: Sentence or note completion (5 missing notes in a table)

*Part 3: Sentence or note completion (5 missing notes in a summary of the monologue)
Each part is played twice*

II. LEXICAL AND GRAMMAR (20/200 points)

Part 1: Multiple choice questions (10 four-option questions)

Part 2: Word formation (5 words)

Part 3: Error correction (5 errors in a paragraph)

III. READING (50/200 points)

Part 1: Open cloze test (10 gaps)

Part 2:

- Gapped text (5 gaps, 7 removed paragraphs or sentences)

Multiple choice questions (a paragraph followed by 5 four-option multiple choice questions)

- True-False test (a paragraph followed by 5 statements and 3-option choice: T for TRUE, F for FALSE and NM for NOT MENTIONED)

Part 3:

- Multiple choice questions (a paragraph followed by 7 four-option multiple choice questions)

- Multiple matching (a paragraph followed by 8 four-option multiple choice questions)

IV. WRITING (60/200 points)

Part 1: Writing a 80-word summary of an article

Part 2: Graphic information (Describing the information or a process in a report of 200 words)

Part 3: Essay (Writing an essay of about 400 words based on a topic given)

+ Cấu trúc phần đề thi nói ở buổi thi thứ hai:

SPEAKING (20/200 points)

Individual task (Expressing one own opinions on a matter mentioned in 1 out of 10 topics given)

9. MÔN TIN HỌC (Đề gồm có 3 câu, thang điểm 20)

9.1. Ngày thi thứ nhất

Câu 1: (6 điểm) Các thuật giải cơ bản: số, xâu, các phương pháp duyệt, quy hoạch động (có độ khó trung bình).

Câu 2: (7 điểm) Các bài toán đồ thị, hình học (có độ khó trung bình).

Câu 3: (7 điểm) Các thuật giải phức tạp (có độ khó trên trung bình).

9.2. Ngày thi thứ hai

Câu 1: (6 điểm) Các thuật giải cơ bản: số, xâu, các phương pháp duyệt, quy hoạch động (có độ khó trên trung bình)

Câu 2: (7 điểm) Các bài toán đồ thị, hình học (có độ khó cao).

Câu 3: (7 điểm) Các thuật giải phức tạp (có độ khó cao).

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Phụ lục 2

QUY TRÌNH TỔ CHỨC THI NÓI MÔN TIẾNG ANH

(Kèm Công văn số: /SGDDĐT-KTQLCL ngày / 8 /2019 của Sở GD&ĐT)

I. Chuẩn bị cơ sở vật chất

1. Bố trí phòng thi

- a) Tại hội đồng coi thi phải có
- Các phòng thi nói dành riêng cho môn Tiếng Anh.
 - Các phòng để thí sinh ngồi chờ trước khi vào phòng thi (gọi tắt là phòng chờ thi) và các phòng để thí sinh ngồi nghỉ sau khi đã hoàn thành phần thi của mình (gọi tắt là phòng chờ về).

b) Các phòng chờ và các phòng thi nói phải được bố trí đảm bảo thuận lợi cho việc đi lại của thí sinh giữa phòng chờ và phòng thi.

c) Các phòng chờ và phòng thi nói phải được bố trí tại một khu tách biệt với các phòng thi khác, đảm bảo việc thi nói môn Tiếng Anh không gây ảnh hưởng tới việc làm bài thi của thí sinh dự thi các môn khác.

2. Chuẩn bị thiết bị và văn phòng phẩm

- Máy vi tính (có màn hình, bàn phím và chuột kèm theo) đáp ứng các thông số kỹ thuật tối thiểu sau đây:

- + CPU: Intel Pentium 4, tốc độ 2.5GHz;
- + RAM: 512 MB;
- + Hard disk: còn trống 40GB;
- + Có ổ ghi đĩa CD (hoặc DVD) còn hoạt động tốt;
- + Monitor: từ 14" trở lên, độ phân giải tối thiểu 1024x768;
- + Card sound: ghi âm và phát âm thanh ra loa nghe rõ;
- + OS (Hệ điều hành): Windows.

- Headphone: có micro thu âm tốt và loa phát âm thanh rõ.
- Đĩa CD: Đĩa Maxell mới, đựng trong hộp còn ni lon bảo vệ.
- Giấy làm bài thi như các môn thi khác (phục vụ cho chấm thi, lên điểm bài thi, ...), giấy nháp.

3. Số lượng

- Đảm bảo mỗi phòng thi được bố trí: Hai (02) máy vi tính, gồm một máy dành cho thí sinh, một máy dự phòng; Hai bộ Headphone, gồm một bộ để thí sinh sử dụng và một bộ dự phòng. Bốn (04) đĩa CD (hay DVD) trên 01 phòng đảm bảo lưu đủ tất cả các bài thi nói của thí sinh trong phòng (01 lưu bài chính thức, 01 lưu bài thi dự phòng, 02 đĩa dự phòng).

4. Chuẩn bị kỹ thuật

- Các máy tính trong phòng thi phải được cài đặt phần mềm ghi âm (do Sở GD&ĐT cung cấp) và phần mềm ghi đĩa.

II. Tổ chức coi thi

1. Bố trí cán bộ coi thi (CBCT)

a) Đối với mỗi phòng thi, bố trí ba CBCT, gồm hai cán bộ trong phòng thi và một cán bộ ngoài phòng thi;

b) Đối với mỗi phòng chờ, bố trí hai cán bộ, gồm một cán bộ trong phòng chờ và một cán bộ ngoài phòng chờ.

2. Quy trình coi thi

a) Các quy định chung:

- Trước khi cho thí sinh vào phòng thi, CBCT trong phòng thi phải kiểm tra Thẻ dự thi của thí sinh;

- Tại mỗi phòng thi, các thí sinh thực hiện phần thi của mình lần lượt theo thứ tự trong Danh sách thí sinh của phòng thi;

- Thí sinh chỉ được phép mang bút vào phòng thi.

b) Trước giờ thi:

- Tập trung thí sinh của môn Tiếng Anh trong các phòng chờ thi;

- Tại mỗi phòng thi, CBCT trong phòng thi tạo 02 thư mục: **01 thư mục** (gọi là thư mục **BAI_THI**) trên máy vi tính để lưu file ghi âm trả lời của thí sinh; **01 thư mục** (gọi là **LUU_BAI_THI**) để lưu lại bài sau khi thí sinh nghe lại xong, CBCT chép file ghi âm trả lời của thí sinh trong thư mục **BAI_THI** vào **LUU_BAI_THI** (*dùng để lưu bài thi và sau khi tất cả các thí sinh thi xong, CBCT chỉ chép thư mục LUU_BAI_THI lên 02 đĩa CD giống nhau - 01 đĩa chính thức, 01 đĩa dự phòng, ghi rõ số phòng thi nói lên đĩa*).

- CBCT nhận giấy thi, giấy nháp, đĩa CD, đề thi từ Chủ tịch Hội đồng coi thi và chuyển về phòng thi;

- CBCT ký tên vào giấy thi, giấy nháp (cả hai CBCT trong phòng thi cùng ký).

c) Khi có hiệu lệnh, tại mỗi phòng thi, CBCT trong phòng thi cho thí sinh thứ nhất trong Danh sách thí sinh của phòng thi vào phòng thi.

d) Sau khi cho thí sinh vào phòng thi, CBCT trong phòng thi thực hiện các công việc sau:

- **Bước 1:** Phát giấy thi, giấy nháp cho thí sinh; cho thí sinh bốc thăm đề thi; cho thí sinh ký tên vào bảng ghi tên dự thi (*thăm để bốc do hội đồng ra đề cung cấp theo bộ đề thi*)

- **Bước 2:** Sau khi ổn định thí sinh, một CBCT hướng dẫn thí sinh bật phần mềm ghi âm (đã cài tự động thời gian chuẩn bị 07 phút và 03 phút ghi âm phần trả lời, đặt tên file lưu là số báo danh của thí sinh (*phần kỹ thuật sẽ được Sở GD&ĐT tập huấn cho giám thị, thời gian cụ thể Sở GD&ĐT sẽ thông báo sau*)).

- **Bước 3:**

+ Trong quá trình thí sinh thực hiện phần trả lời của mình, một CBCT trong phòng thi giám sát các hoạt động của thí sinh, quan sát màn hình máy vi tính và nhắc thí sinh khi thời gian chuẩn bị câu trả lời còn 01 phút;

+ Sau khi thí sinh hoàn tất phần trả lời, CBCT trong phòng thi kiểm tra, chép file ghi âm của thí sinh lưu trong thư mục **BAI_THI** sang thư mục **LUU_BAI_THI** và cho thí sinh nghe lại toàn bộ phần âm thanh trả lời của mình.

- Yêu cầu thí sinh ký xác nhận vào Phiếu thu bài thi và ghi rõ mã đề hay chủ đề đã bốc thăm thi (kể cả trường hợp thí sinh không nói gì để ghi âm); cho thí sinh ra khỏi phòng thi và tiếp nhận thí sinh tiếp theo vào phòng thi.

đ) Trong thời gian thi, các cán bộ ngoài phòng thi có trách nhiệm giám sát thí sinh và CBCT trong phòng thi; giám sát việc di chuyển của thí sinh từ **phòng chờ thi** đến **phòng thi** và từ **phòng thi** đến **phòng chờ về**, đảm bảo thí sinh không tiếp xúc với bất kỳ ai khác.

e) Cán bộ trong phòng chờ có trách nhiệm giữ trật tự và điều hành hoạt động của thí sinh trong phòng chờ.

f) Cán bộ ngoài phòng chờ có trách nhiệm giám sát thí sinh và cán bộ trong phòng chờ; giám sát việc thí sinh ra ngoài phòng chờ đến phòng thi.

3. Quy trình thực hiện phần thi của thí sinh

(Sở GD&ĐT yêu cầu Hiệu trưởng các trường có học sinh dự thi, phổ biến nội dung này đến học sinh của trường)

a) Sau khi vào phòng thi, nhận giấy thi, giấy nháp từ CBCT trong phòng thi, thí sinh bốc thăm đề thi, điền thông tin..., làm theo hướng dẫn của CBCT.

b) Bật phần mềm ghi âm theo sự hướng dẫn của CBCT và điền số báo danh của thí sinh vào theo yêu cầu hiển thị của phần mềm ghi âm trên máy tính.

c) Thí sinh có 07 phút chuẩn bị và 03 phút trả lời; bắt đầu trả lời khi hệ thống thông báo ghi âm – **recording...** (*trước đó 01 phút CBCT sẽ nhắc thí sinh*).

d) Hệ thống sẽ tự động ngừng ghi âm khi hết thời gian trả lời cho phép – **Record completed**.

đ) Thí sinh cùng CBCT trong phòng thi kiểm tra, nghe lại file ghi âm đã lưu trên máy vi tính, ký xác nhận vào Phiếu thu bài thi và ghi rõ mã đề hay chủ đề đã bốc thăm thi (kể cả trường hợp thí sinh không nói gì để ghi âm);

4. Một số lưu ý

a) Khi hệ thống bắt đầu ghi âm, **thí sinh phải đọc mã số của đề thi, nội dung của câu hỏi trong đề thi trước khi bắt đầu trả lời**.

b) Thí sinh **không được đề cập đến các thông tin cá nhân trong phần trả lời**, không được tạo ra các tiếng động nhằm đánh dấu phần thi của mình.

c) Thí sinh **không thực hiện đúng quy định của khoản a, b**, phần trả lời của thí sinh bị **coi là phạm quy**.

d) CBCT trong phòng thi không được tạo ra tiếng động lạ khi hệ thống đang ghi âm phần trả lời của thí sinh.

Do tính chất quan trọng của kỳ thi, Sở GD&ĐT yêu cầu các trường THPT, THCS&THPT phải thực hiện đúng theo nội dung văn bản này. Mọi chi tiết xin liên hệ với Phòng KT&QLCLGD – số điện thoại (0272)3831105, để giải quyết kịp thời./.

Phụ lục 3 : Lập trên giấy A4 theo chiều dọc

SỞ GD&ĐT LONG AN
ĐƠN VỊ:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày tháng năm 2019

**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CÁN BỘ - GIÁO VIÊN THAM GIA
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CÁC BỘ MÔN VĂN HÓA THPT
CẤP TỈNH, NĂM HỌC 2019-2020**

stt	Họ và tên	Đề nghị coi thi	Đề nghị chấm thi	Chuyên môn	Số điện thoại di động
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1.					
2.					
3.					
...					
...					

Danh sách này có (.....) giáo viên./.

Lưu ý:

- Tại cột (3), (4): đánh dấu X
đối với cán bộ-giáo viên được đề cử.
- Tại cột (5): bắt buộc phải điền để Hội đồng
thuận tiện phân công nhiệm vụ.
- Tại cột (6): bắt buộc phải điền để Hội đồng
thuận tiện liên lạc.

HIỆU TRƯỞNG
(ký tên, đóng dấu)

SỞ GD&ĐT LONG AN
ĐƠN VỊ:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

**PHIẾU BÁO KẾT QUẢ HỌC TẬP
NĂM HỌC**

Họ và tên học sinh:

Ngày sinh:

Nơi sinh :

Giới tính: Dân tộc:

Lớp : Ban:

Thuộc đội tuyển môn:

Môn học		Điểm trung bình/Nhận xét đánh giá
Toán		
Vật lí		
Hoá học		
Sinh học		
Tin học		
Ngữ văn		
Lịch sử		
Địa lí		
Ngoại ngữ		
Công nghệ		
GDQP-AN		
Thể dục		
Tự chọn	NN2	
	Nghề PT	
GD&ĐT		
Điểm TB các môn học		

Kết quả xếp loại cả năm: Học lực: Hạnh kiểm

....., ngày tháng năm

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)